SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 5843
Giờ..... Ngày 24 tháng 02 năm 11

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 4/2010

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2010		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm Nay	Năm Trước	Năm Nay	Năm Trước
1.	**Doanh thu bán hàng và c.cấp dv**	**01**	27	**235.746.161.122**	**227.636.920.276**	**1.036.893.495.363**	**567.808.498.735**
2.	Các khoản giảm trừ	02	27	38.188.814	221.318.173	153.383.963	944.386.023
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	27	235.707.972.308	227.415.602.103	1.036.740.111.400	566.864.112.712
4.	Giá vốn hàng bán	11	28	210.151.431.935	187.066.571.714	900.142.374.825	492.065.802.829
5.	**Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ**	**20**		**25.556.540.373**	**40.349.030.389**	**136.597.736.575**	**74.798.309.883**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.205.630.309	-725.933.580	5.252.372.900	3.678.983.703
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	30	7.325.377.905	12.617.691.483	23.995.142.215	25.177.191.537
	Trong đó: Lãi vay	*23*		6.698.902.602	12.777.484.191	*22.935.583.509*	*24.993.717.234*
8.	Chi phí bán hàng	24		1.984.131.672	2.291.503.439	5.661.414.603	7.476.236.413
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.688.292.012	7.755.614.138	24.299.026.418	15.409.233.215
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**8.764.369.093**	**16.958.287.749**	**87.894.526.239**	**30.414.632.421**
11.	Thu nhập khác	31	31	2.461.112.121	577.234.046	4.625.225.556	1.098.342.908
12.	Chi phí khác	32	32	1.228.410.094	876.259.097	2.452.292.407	1.627.031.092
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**1.232.702.027**	**-299.025.051**	**2.172.933.149**	**-528.688.184**
14.	**Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**	**45**					
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	33	**9.997.071.120**	**16.659.262.698**	**90.067.459.388**	**29.885.944.237**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-2.451.751.183	4.316.222.415	18.282.334.484	5.152.295.017
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	228.033.012	8.142.417	237.075.428	18.084.833
18.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**	33	**12.220.789.291**	**12.334.897.866**	**71.548.049.476**	**24.715.564.387**
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.261.717.775		19.096.110.670	2.840.438.167
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		8.959.071.516		52.451.938.806	21.875.126.220
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		34	308		1.802	752

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Đình Trạc	Vũ Thị Hải	Nguyễn Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI
S.Đ.K.K.D: 5900415863-C.T.C.P
TP. PLEIKU T. GIA LAI

FROM :TAP DOAN DUC LONG GIA LAI FAX NO. :0593747366 24 Feb. 2011 3:44PM P1